

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;

2. Bà Néang Sâm Bô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương T, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện tại: Tổ 7, ấp C, xã G, Tp. P, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trịnh Tèo, sinh năm 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Bà T, ông Tèo có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương T trình bày: Vào năm 2000 bà và ông Tèo chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã L một thời gian thì chia tay nhau. Bà T đi Phú Quốc làm ăn, còn ông Tèo thì đi Bình Thuận làm ăn. Từ đó không còn liên hệ qua lại với nhau. Do tình cảm không còn, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Yêu cầu ly hôn với ông Tèo. Về con chung: Có 01 người con chung tên Trịnh Đ, sinh ngày 29/12/2002 đã trưởng thành, không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trịnh Tèo trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Ông đồng ý ly hôn với bà Trương T. Thống nhất với bà T về con chung, về tài sản, nợ chung không yêu cầu.

Tại phiên tòa, bà T, ông Tèo có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn T có hộ khẩu tại: Tổ 5, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Tèo và nguyên đơn bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông Tèo.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông Tèo chung sống từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà T và ông Tèo chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống cả hai bất đồng quan điểm sống, cả hai đã xác định không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Điều đó cho thấy cả hai không mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này, nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông Tèo cũng thống nhất ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương T với ông Trịnh Tèo.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Trịnh Đ, sinh ngày 29/12/2002 đã trưởng thành. Không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Bà T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Tèo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương T với ông Trịnh Tèo.

[2] Về con chung Trịnh Đ, sinh ngày 29/12/2002 đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Trương T phải chịu 300.000đ tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009963 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà T đã nộp đủ án phí. Ông Tèo không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Sơn Thị Thúy Liễu

